

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Chi nhánh Đà Nẵng: Tầng 3, 112 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây, thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 668 786 | Fax: + 84 (236) 3 668 786

Email: xuanthanh@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016	11 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng từ Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 57.736.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2016: 57.736.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : (84) 0236- 3622 007
- Fax : (84) 0236- 3642 423

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển và bờ biển;
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng;
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hóa sinh, vi sinh trong xử lý môi trường;
- Chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch	01/10/2015	
Ông Đặng Đức Vũ	Thành viên	01/10/2015	
Ông Võ Minh Đức	Thành viên	01/10/2015	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	01/10/2015	
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên	01/10/2015	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Minh Tuệ	Trưởng ban	01/10/2015	
Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Thành viên	01/10/2015	
Bà Đặng Thị Mỹ Hào	Thành viên	01/10/2015	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Đức Vũ	Tổng Giám đốc	02/10/2015	
Ông Võ Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	02/10/2015	
Ông Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc	25/01/2016	
Ông Trần Văn Tiên	Phó Tổng Giám đốc	25/01/2016	
Ông Đỗ Văn Tài	Kế toán trưởng	02/10/2015	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Đức Vũ	Tổng Giám đốc

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 37.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Công ty



ĐẶNG ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 3 năm 2017

Số: 23/2017/BCKT/AUD-DNVVLUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 03 năm 2017, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Theo Thuyết minh V.16, các khoản chi của Quỹ khen thưởng phúc lợi thuộc giai đoạn nhà nước chi vượt và đang trình bày số âm trên báo cáo tài chính này là 4.155.330.823 đồng (vào ngày 31/12/2016 là 4.656.869.991 đồng), chưa được quyết toán và xử lý, vẫn còn ảnh hưởng trên Bảng

cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01/10/2015 và ngày 31/12/2016. Vấn đề này còn tùy thuộc vào sự quyết định của các cấp có thẩm quyền và việc trình bày như trên là chưa phù hợp với Chế độ kế toán hiện hành.

- Chúng tôi lưu ý người đọc đến Mục I.5 tại Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành bàn giao số liệu giữa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 3 năm 2017

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Trần Xuân Thành - Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 1650-2015-071-1

Lê Thị Thanh Kim - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2896-2016-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		87.581.050.082	70.754.936.340
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	52.688.940.633	53.782.626.749
111	1. Tiền		52.688.940.633	53.782.626.749
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.147.971.428	15.702.221.651
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	24.605.160.663	9.919.827.923
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.940.304.300	1.093.040.500
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	5.598.507.465	4.685.354.228
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.999.000	3.999.000
140	IV. Hàng tồn kho		1.097.532.458	1.033.715.382
141	1. Hàng tồn kho	V.5	1.097.532.458	1.033.715.382
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.646.605.563	236.372.558
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	1.646.605.563	236.372.558
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	-	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		77.378.407.492	81.501.490.741
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		69.923.045.085	65.425.588.202
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	69.876.392.188	65.363.584.641
222	- Nguyên giá		146.214.808.968	131.331.576.157
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(76.338.416.780)	(65.967.991.516)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.8	46.652.897	62.003.561
228	- Nguyên giá		123.000.000	123.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(76.347.103)	(60.996.439)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		219.002.873	5.246.282.678
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	219.002.873	5.246.282.678
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.236.359.534	10.829.619.861
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	7.236.359.534	10.829.619.861
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		164.959.457.574	152.256.427.081

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		97.952.855.378	91.152.188.147
310	I. Nợ ngắn hạn		97.952.855.378	91.152.188.147
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	1.571.299.365	655.256.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	358.949.400	363.036.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	2.891.915.382	2.355.491.622
314	4. Phải trả người lao động	V.13	16.216.687.226	2.867.419.215
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	7.912.128.948	13.526.491.227
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	73.574.801.152	75.606.998.563
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	(4.572.926.095)	(4.222.504.480)
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		67.006.602.196	61.104.238.934
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	66.812.702.196	61.057.438.934
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		57.736.000.000	57.736.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		57.736.000.000	57.736.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		111.896.964	111.896.964
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		309.406.487	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		154.703.244	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.500.695.501	3.209.541.970
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.500.695.501	3.209.541.970
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		193.900.000	46.800.000
431	1. Nguồn kinh phí	V.18	193.900.000	46.800.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		164.959.457.574	152.256.427.081

Người lập biểu



HUỖNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám Đốc



ĐẶNG ĐỨC VŨ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	199.586.072.563	50.394.666.347
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		199.586.072.563	50.394.666.347
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	179.754.886.837	44.289.165.116
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.831.185.726	6.105.501.231
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	756.974.173	70.155.104
22	7. Chi phí tài chính		-	4.318.636
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	10.945.596.810	2.485.435.885
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.642.563.089	3.685.901.814
31	11. Thu nhập khác		36.620.905	3.500.000
32	12. Chi phí khác		21.488.601	1.320.000
40	13. Lợi nhuận khác		15.132.304	2.180.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.657.695.393	3.688.081.814
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	1.076.339.958	382.288.394
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.581.355.435	3.305.793.420
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.5	1.472	482
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.6	1.472	482

Người lập biểu



HUỲNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2017


Tổng Giám Đốc
ĐẶNG ĐỨC VŨ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		204.568.507.309	52.672.564.683
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(89.536.927.006)	(18.961.276.011)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(66.586.213.261)	(15.658.534.579)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(997.610.278)	(110.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.229.079.969	5.716.969.456
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(54.460.182.016)	(10.404.824.361)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.216.654.717	13.254.899.188
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.855.953.006)	(20.593.637)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(20.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		756.974.173	70.155.104
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.098.978.833)	49.561.467
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.211.362.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.211.362.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(1.093.686.116)	13.304.460.655
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		53.782.626.749	40.478.166.094
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	52.688.940.633	53.782.626.749

Người lập biểu



HUỠNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám Đốc



ĐẶNG ĐỨC VŨ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng từ Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, kinh doanh dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển và bờ biển;
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng;
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hóa sinh, vi sinh trong xử lý môi trường;
- Chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 01/10/2015, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa tiến hành bàn giao chính thức tài sản và nguồn vốn từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc hạch toán chung với văn phòng Công ty

- Ban Thanh tra (Ban KCS)
- Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Phát triển Kỹ nghệ Môi trường
- Xí nghiệp Môi trường Hoà Vang
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 2
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường Sông Biển
- Xí nghiệp QLB và xử lý CT
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 1
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 2
- Xí nghiệp Vận chuyển
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà
- Xí nghiệp Sửa chữa

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu 03 tháng của năm tài chính đầu tiên kết thúc ngày 31/12/2015 (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015) chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì có sự khác biệt về thời gian so sánh.

8. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có 1.237 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2016 là 1.146 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Dịch vụ hoàn thành: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung liên quan đến dịch vụ đang thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu cung cấp dịch vụ về môi trường đô thị

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	88.522.290	83.281.877
Tiền gửi ngân hàng (*)	52.600.418.343	53.699.344.872
Cộng	52.688.940.633	53.782.626.749

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2016

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Tân Chính	1.188.500	1.027.500
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Đà Nẵng	21.924.693.752	27.902.677.983
Ngân hàng TMCP Đông Á - PGD Hòa Cường	5.210.046.326	-
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng (**)	23.540.524.708	25.094.848.824
Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - Chi nhánh Sông Hàn	1.923.965.057	700.790.565
Cộng	52.600.418.343	53.699.344.872

(**) Số dư tài khoản tiền gửi (21.978.064.689 đồng) tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – CN Đà Nẵng là tài khoản phong tỏa phục vụ cho việc thu tiền từ cổ phần hóa, Công ty không được sử dụng số tiền này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	24.605.160.663	9.919.827.923
- Sở Tài nguyên Môi trường TP. Đà Nẵng	20.943.663.000	7.014.563.636
- Khách hàng dịch vụ	3.568.246.663	2.459.451.787
- Khách hàng công ích	93.251.000	445.812.500
Cộng	<u>24.605.160.663</u>	<u>9.919.827.923</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.940.304.300	1.093.040.500
- Công ty CP Xây dựng Hân Lộc	1.188.814.800	90.000.000
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Phương	200.000.000	-
- Công ty TNHH Trọng Toàn	200.000.000	-
- Công ty TNHH Sao Thái Dương	-	342.500.000
- Công ty TNHH MTV Thiên Mỹ Sơn	-	105.000.000
- Ngô Thị Bích Vân	-	80.000.000
- Công ty TNHH MTV Đào Quyên	-	70.000.000
- Các đối tượng khác	351.489.500	405.540.500
Cộng	<u>1.940.304.300</u>	<u>1.093.040.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.435.631.465	-	4.649.815.562	-
Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Phát triển Kỹ nghệ Môi trường XN vận chuyển	921.706.601	-	1.080.492.106	-
XN DV Môi trường (Công nghiệp)	176.698.839	-	792.600.755	-
XN DV Môi trường (Nguy hại)	65.025.209	-	533.547.365	-
Phải thu các đối tượng khác	595.577.928	-	475.944.365	-
Bảo hiểm XH TP Đà Nẵng	3.676.622.888	-	1.658.542.091	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	-	-	108.688.880	-
	162.876.000	-	35.538.666	-
Cộng	5.598.507.465	-	4.685.354.228	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	138.262.315	-	239.955.581	-
Công cụ, dụng cụ	959.270.143	-	793.759.801	-
Cộng	1.097.532.458	-	1.033.715.382	-

Nguyên liệu, vật liệu là những nhiên liệu (xăng, dầu, nhớt,...) và vật liệu, vật tư thay thế phục vụ trong việc xử lý môi trường.

Công cụ dụng cụ là những công cụ (thùng rác, xe đẩy, găng tay su,...) phục vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chưa sử dụng trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.527.068.142	-
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	42.777.657	-
Chi phí bảo hiểm, tiền thuê đất	-	5.847.112
Phần mềm quản lý	-	23.958.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	76.759.764	206.567.112
Cộng	<u>1.646.605.563</u>	<u>236.372.558</u>

Tình hình biến động của chi phí trả trước ngắn hạn trong năm

	<u>Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)</u>	<u>Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)</u>
Số dư đầu năm	236.372.558	398.588.645
Tăng trong năm	4.888.057.364	166.974.545
Phân bổ trong năm	(3.477.824.359)	(329.190.632)
Số dư cuối năm	<u>1.646.605.563</u>	<u>236.372.558</u>

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	5.203.901.016	6.613.100.412
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.612.301.014	4.216.519.449
Chi phí phân bổ khác	420.157.504	-
Cộng	<u>7.236.359.534</u>	<u>10.829.619.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Số dư đầu năm	10.829.619.861	13.862.695.305
Tăng trong năm	7.626.533.940	1.961.378.629
Phân bổ trong năm	(11.219.794.267)	(4.994.454.073)
Số dư cuối năm	7.236.359.534	10.829.619.861

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	75.757.537.312	2.409.058.394	53.129.627.451	35.353.000	131.331.576.157
Mua sắm trong năm	-	178.650.000	6.321.936.470	-	6.500.586.470
Tăng khác	-	-	-	-	-
Đ/tư XD CB h/thành	8.382.646.341	-	-	-	8.382.646.341
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	84.140.183.653	2.587.708.394	59.451.563.921	35.353.000	146.214.808.968
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	37.025.686.458	1.149.950.514	27.767.803.847	24.550.697	65.967.991.516
Khấu hao trong năm	4.660.611.245	276.432.570	5.429.453.345	3.928.104	10.370.425.264
Tăng khác	-	-	-	-	-
T/ly, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	41.686.297.703	1.426.383.084	33.197.257.192	28.478.801	76.338.416.780
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	38.731.850.854	1.259.107.880	25.361.823.604	10.802.303	65.363.584.641
Số cuối năm	42.453.885.950	1.161.325.310	26.254.306.729	6.874.199	69.876.392.188
<i>Trong đó:</i>					
- Tạm thời chưa sử	-	-	-	-	-
- Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay : 0 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	123.000.000	123.000.000
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	123.000.000	123.000.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	60.996.439	60.996.439
Khấu hao trong năm	15.350.664	15.350.664
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	76.347.103	76.347.103
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	62.003.561	62.003.561
Số cuối năm	46.652.897	46.652.897

9. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	957.273	2.230.237.238	2.230.118.288	1.076.223	-
- Mua sắm 02 xe cuốn ép vận chuyển rác	957.273	2.230.237.238	2.230.118.288	1.076.223	-
Xây dựng cơ bản dở dang	5.245.325.405	3.360.317.629	8.382.646.341	3.993.820	219.002.873
- Mương thoát nước	2.527.231.622	430.115.365	2.957.346.987	-	-
- Phủ bạt HDPE mái taluy hộc chôn lấp rác tại bãi rác Khánh Sơn	2.499.090.910	1.092.123.796	3.587.578.341	3.636.365	-
- Bể chôn lấp bùn thải có kiểm soát	-	1.569.867.558	1.569.510.103	357.455	-
- Xây dựng các công trình khác	106.336.206	268.210.910	268.210.910	-	106.336.206
- Chi phí xây dựng ISO	112.666.667	-	-	-	112.666.667
Chi phí sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-
Cộng	5.246.282.678	5.590.554.867	10.612.764.629	5.070.043	219.002.873

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	1.571.299.365	655.256.000
- Công ty Cổ Phần Nhựa Sài Gòn	269.034.128	-
- Công ty TNHH Thương mại Núi Thành	481.090.437	422.930.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đô thị Đà Thành	159.007.750	-
- Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Kỹ thuật Hạ tầng	-	219.600.000
- Các đối tượng phải trả khác	662.167.050	12.726.000
Cộng	1.571.299.365	655.256.000

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	358.949.400	363.036.000
- Khách hàng dịch vụ trả tiền trước	358.949.400	363.036.000
Cộng	358.949.400	363.036.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.707.129.725	-	13.684.495.953	13.225.795.721	2.165.829.957	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	581.399.591	-	1.076.339.958	997.610.278	660.129.271	-
Thuế thu nhập cá nhân	66.962.306	-	155.293.440	156.299.592	65.956.154	-
Thuế tài nguyên	-	-	2.282.950	2.282.950	-	-
Thuế nhà đất	-	-	435.447.200	435.447.200	-	-
Tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	28.889.455	28.889.455	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	11.701.394	11.701.394	-	-
Cộng	2.355.491.622	-	15.394.450.350	14.858.026.590	2.891.915.382	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%. Các dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh xã hội hóa: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.657.695.393	3.688.081.814
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	8.826.924.861	3.615.746.710
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	830.770.532	72.335.104
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	274.933.653	48.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	274.933.653	48.000.000
+ Chi phí không hợp lý	61.445.052	-
+ Chi thù lao HĐQT, HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	192.000.000	48.000.000
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	21.488.601	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	9.932.629.046	3.736.081.814
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh chính	9.101.858.514	3.663.746.710
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh khác	830.770.532	72.335.104
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	9.932.629.046	3.736.081.814
- Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh	9.101.858.514	3.663.746.710
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	830.770.532	72.335.104
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế TNDN hoạt động kinh doanh	10%	10%
- Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	20%	22%
Thuế TNDN phải nộp hoạt động kinh doanh chính	910.185.851	366.374.671
Thuế TNDN hoạt động khác	166.154.107	15.913.723
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.076.339.958	382.288.394

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	16.216.687.226	2.867.419.215
Cộng	<u>16.216.687.226</u>	<u>2.867.419.215</u>

Quỹ tiền lương cho người lao động và cán bộ quản lý được Công ty trích lập theo Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động Thương binh xã hội và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh xã hội.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng	6.726.267.970	10.028.491.227
Trích trước chi phí đầu tư công trình "Tường rào, mương thoát nước tại bãi rác Khánh Sơn"	414.919.910	-
Trích trước chi phí vượt thu	770.941.068	-
Trích trước tiền thưởng hoàn thành kế hoạch năm	-	3.438.000.000
Trích trước chi phí khác	-	60.000.000
Cộng	<u>7.912.128.948</u>	<u>13.526.491.227</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	73.574.801.152	75.606.998.563
- Kinh phí công đoàn	-	184.746.892
- Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	210.291.400	-
- Phải trả cổ phần hóa (*)	34.784.272.543	34.562.185.125
- Ủy ban nhân dân Tp Đà Nẵng (**)	36.517.032.168	40.258.691.261
- Tiền cổ tức phải trả	109.186.654	-
- Lãi phải trả cho các thành viên liên doanh	-	368.948.371
- Phải trả khác	1.954.018.387	232.426.914
Cộng	<u>73.574.801.152</u>	<u>75.606.998.563</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết công nợ phải trả cổ phần hóa tại ngày 31/12/2016 chờ quyết toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng thu từ phát hành cổ phiếu	25.880.588.200	25.880.588.200
Lãi tiền gửi tài khoản phong tỏa	278.134.072	56.046.654
Phải trả về số vốn lẻ	837.691	837.691
Chuyển vốn khác của chủ sở hữu của DNNN	13.470.655.903	13.470.655.903
Chuyển Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của DNNN	1.872.477.250	1.872.477.250
Lỗ phát sinh trước cổ phần hóa	(300.775.725)	(300.775.725)
Tiền thu được từ phát hành thêm cổ phiếu	(2.111.896.964)	(2.111.896.964)
Chi trả lao động dôi dư	(3.801.049.657)	(3.801.049.657)
Chi phí cổ phần hóa	(504.698.227)	(504.698.227)
Cộng	34.784.272.543	34.562.185.125

(*) Giá trị của các khoản mục này chưa được quyết toán, đối chiếu với Nhà nước.

(**) Là giá trị còn phải trả Ngân sách Nhà nước theo Công văn 1511/UBND-KTN ngày 26/02/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc tái cơ cấu vốn tại các Công ty TNHH MTV do thành phố quản lý và kinh phí phủ bạt HPDE mái taluy học chôn lấp rác tại bãi rác Khánh Sơn theo Công văn số 8352/UBND-QLĐT ngày 24/10/2015 của Sở Tài chính.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.231.971.278)	309.406.487	26.100.000	760.405.200	(4.656.869.991)
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-	-	-	-	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	9.466.798	115.477.098	-	41.000.000	83.943.896
Cộng	(4.222.504.480)	424.883.585	26.100.000	801.405.200	(4.572.926.095)

Trong tổng số Quỹ khen thưởng phúc lợi bao gồm khoản chi vượt (âm) quỹ phúc lợi trong giai đoạn trước cổ phần hóa là (4.155.330.823) đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, do chưa có nguồn để bù đắp nên Công ty trình bày số âm khoản chi trên tại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐỒ I HẠI ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số tại 01/10/2015	57.736.000.000	111.896.964	-	-	-	-	57.847.896.964
Tăng từ lợi nhuận	-	-	-	-	3.305.793.420	-	3.305.793.420
Chia lợi nhuận cho các bên theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	-	(96.251.450)	-	(96.251.450)
Số dư tại 31/12/2015	57.736.000.000	111.896.964	-	-	3.209.541.970	-	61.057.438.934
Số dư tại 01/01/2016	57.736.000.000	111.896.964	-	-	3.209.541.970	-	61.057.438.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.581.355.435	-	8.581.355.435
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(2.320.548.654)	-	(2.320.548.654)
Chia lợi nhuận cho các bên theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	-	(80.659.934)	-	(80.659.934)
Tăng từ lợi nhuận	-	-	309.406.487	154.703.244	-	-	464.109.731
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(888.993.316)	-	(888.993.316)
Số dư tại 31/12/2016	57.736.000.000	111.896.964	309.406.487	154.703.244	8.500.695.501	-	66.812.702.196



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Vốn góp của UBND Tp. Đà Nẵng	51,00%	29.445.360.000	51,00%	29.445.360.000
Công ty CP Môi trường Việt Nam	13,37%	7.719.870.000	13,37%	7.719.870.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	6,78%	3.914.060.000	6,78%	3.914.060.000
Bà Nguyễn Lê My Kha	3,31%	1.911.050.000	3,31%	1.911.050.000
Các cổ đông cá nhân khác	25,54%	14.745.660.000	25,54%	14.745.660.000
Cộng	100,00%	57.736.000.000	100,00%	57.736.000.000

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	57.736.000.000	57.736.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(2.401.208.588)	-

17d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.773.600	5.773.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu thường	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu thường	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	3.209.541.970	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	8.581.355.435	3.305.793.420
Phân phối lợi nhuận theo Hợp đồng liên doanh	(80.659.934)	(96.251.450)
Phân phối lợi nhuận năm trước	(3.209.541.970)	-
- Quỹ đầu tư phát triển	(309.406.487)	-
- Quỹ dự phòng tài chính	(154.703.244)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(309.406.487)	-
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(115.477.098)	-
- Chia cổ tức	(2.320.548.654)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.500.695.501	3.209.541.970

18. Nguồn kinh phí

Là nguồn kinh phí được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp để chi trả cho cán bộ công nhân viên Công ty phục vụ Tết nguyên đán trong 3 năm 2014, 2015 và năm 2016 còn lại, chi tiết cụ thể là:

	2014	2015	2016	Tổng cộng
Tổng nguồn kinh phí được cấp	1.177.600.000	1.293.000.000	1.201.000.000	3.671.600.000
Số tiền đã chi	1.156.900.000	1.266.900.000	1.053.900.000	3.477.700.000
Số kinh phí còn lại chưa chi	20.700.000	26.100.000	147.100.000	193.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	199.586.072.563	50.394.666.347
+ Doanh thu hoạt động công ích	68.227.213.089	16.198.872.821
+ Doanh thu theo đơn đặt hàng	97.865.009.090	27.727.026.364
+ Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	33.493.850.384	6.468.767.162
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	199.586.072.563	50.394.666.347

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Giá vốn hoạt động công ích	58.396.188.337	13.635.435.851
Giá vốn theo đơn đặt hàng	95.732.621.405	25.218.825.632
Giá vốn hoạt động dịch vụ khác	25.626.077.095	5.434.903.633
Cộng	179.754.886.837	44.289.165.116

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	756.974.173	70.155.104
Cộng	756.974.173	70.155.104

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Chi phí nhân viên quản lý	6.505.424.980	1.633.819.241
Chi phí vật liệu quản lý	231.238.558	57.281.080
Chi phí đồ dùng văn phòng	281.568.193	40.758.132
Thuế, phí, lệ phí	464.336.655	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.408.994.232	432.313.132
Chi phí bằng tiền khác	1.054.034.192	321.264.300
Cộng	10.945.596.810	2.485.435.885

5. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.581.355.435	3.305.793.420
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(80.659.934)	(521.135.035)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Phân chia lợi nhuận liên doanh	(80.659.934)	(96.251.450)
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(115.477.098)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(309.406.487)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ	8.500.695.501	2.784.658.385
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.773.600	5.773.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	1.472	482

Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa có quy định về tỷ lệ trích cụ thể của các Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành. Do vậy, khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phiếu phổ thông dùng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính này chưa trừ các Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành. Chỉ tiêu này sẽ có sự thay đổi khi có Quyết định chính thức về việc phân phối lợi nhuận năm 2016.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.773.600	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	5.773.600
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.773.600	5.773.600

6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.500.695.501	2.784.658.385
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.500.695.501	2.784.658.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.773.600	5.773.600
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.472	482

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.390.811.383	7.871.436.867
Chi phí nhân công	114.137.065.567	26.758.545.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.385.775.928	2.206.578.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.099.273.446	9.500.938.375
Chi phí khác bằng tiền	6.687.557.323	1.758.840.031
Cộng	190.700.483.647	48.096.339.660

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong tổng số tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2016, khoản tiền hiện có của tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – CN Đà Nẵng với giá trị là 21.978.064.689 đồng là tài khoản phong tỏa phục vụ cho việc thu tiền từ cổ phần hóa, Công ty không được sử dụng khoản tiền này.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các cam kết

Theo Hợp đồng liên doanh số 35/10/KH/HĐKT ký ngày 18/03/2009, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng) và Công ty cổ phần Môi trường Toàn Cầu Xanh liên doanh trong việc xử lý chất thải nguy hại tại bãi rác Khánh Sơn, khối Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, hai bên góp vốn bằng tài sản và giao cho Xí nghiệp xử lý chất thải nguy hại – dịch vụ môi trường (trực thuộc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng) trực tiếp tổ chức kinh doanh. Thu nhập từ liên doanh được chia cho các bên theo tỷ lệ % doanh thu thực hiện, cụ thể:

- Tỷ lệ vốn góp: Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng 55,3%, Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh 44,7%
- Trích chi phí quản lý: 4% doanh thu (chia cho Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng 2,5% và Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh 1,5%).
- Trích chi phí khấu hao tài sản: 6,5% doanh thu (chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn).
- Trích lợi nhuận định mức: 4,5% doanh thu (chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn).

Hội đồng quản trị đã thống nhất thời gian chấm dứt hợp đồng liên doanh từ ngày 31/03/2016. Do đó, trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 Công ty thực hiện việc phân chia kết quả hoạt động của việc xử lý chất thải nguy hại tại bãi rác Khánh Sơn với Công ty Cổ phần Toàn Cầu Xanh từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016.

Cho đến tại thời điểm hiện nay, giữa Công ty và Công ty cổ phần Môi trường Toàn Cầu Xanh vẫn đang trong quá trình thương thảo và vẫn chưa thống nhất về giá cả nên chưa thể xử lý dứt điểm hợp đồng liên doanh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016)	Năm trước (từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)
Hội đồng quản trị	578.905.360	105.000.000
Tiền lương	324.000.000	81.000.000
Thù lao	96.000.000	24.000.000
Cổ tức	158.905.360	-
Ban Tổng Giám đốc	1.228.118.000	144.000.000
Tiền lương	1.222.000.000	144.000.000
Cổ tức	6.118.000	-
Ban kiểm soát	373.406.000	93.000.000
Tiền lương	276.000.000	69.000.000
Thù lao	96.000.000	24.000.000
Cổ tức	1.406.000	-
Cộng	2.180.429.360	342.000.000

3. Báo cáo bộ phận*- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư.

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do có sự thay đổi về phân phối các Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành so với số tạm tính năm trước nên chỉ tiêu này được trình bày lại (482 đồng/cổ phiếu) tăng lên so với số liệu trên báo cáo tài chính năm trước (464 đồng/cổ phiếu).

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 3 năm 2017



HUỲNH DUY HẢI
Người lập biểu



ĐỖ VĂN TÀI
Kế toán trưởng



ĐẶNG ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc